

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 310/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 55 ngày 27/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm: 2002; địa chỉ: Số D, đường V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, SĐT: 0878.738.838, có đơn vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Hoàng Gia T, sinh năm: 2002; địa chỉ: Số C, đường L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, SĐT: 0838.678.961, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Như Q trình bày:

Bà Q và ông T kết hôn ngày 12/3/2024 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thời gian đầu kết hôn, bà Q, ông T chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây, bà Q, ông T phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xung đột. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không chung thủy, không thành thật, không có

trách nhiệm với vợ con, làm ăn kinh doanh gây ra nhiều nợ nần. Khoảng cuối tháng 5/2015, bà Q, ông T sống ly thân nhau cho đến nay. Hiện nay, bà Q nhận thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

- Tại Bản tự khai đề ngày 05/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Hoàng Gia T trình bày:

Ông T thống nhất lời trình bày của bà Q về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, về con chung.

Ông T thừa nhận trong công việc (làm chủ công ty nhôm kính) có gây ra nợ nần do vay tiền để làm nhôm kính. Sau khi thi công cho khách hàng thì khách hàng không trả tiền. Ông T giấu bà Q không cho bà Q biết bị nợ nhiều dẫn đến bà Q cho rằng ông T không thành thật. Trong công việc, đôi khi ông T có đi uống bia rượu, tiếp khách có phụ nữ phục vụ chứ không phải ông T không chung thủy. Ông T thừa nhận do tính chất công việc và bận chơi thể thao nên ít quan tâm vợ con. Tuy nhiên, ông T cần thêm thời gian để suy nghĩ nên chưa đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Như Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Hồ Hoàng Gia T đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà Q, ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Q, ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà Q nộp đơn yêu cầu ly hôn do ông T không chung thủy, không thành thật, không có trách nhiệm với vợ con, làm ăn kinh doanh gây ra nhiều nợ nần dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Ông T thừa nhận trong công việc kinh doanh có gây ra nợ nần nhưng giấu không cho bà Q biết, thỉnh thoảng ông T có đi uống bia rượu, tiếp khách có phụ nữ phục vụ chứ không phải ông T không chung thủy, do bận chơi thể thao nên ít quan tâm vợ con.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà Q và ông T, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà Q và ông T là có thật, cả hai đã sống ly thân nhau từ cuối tháng 5/2025 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án tạo điều kiện để cho bà Q, ông T hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông T không đến. Chứng tỏ ông T cũng không còn tình cảm với bà Q, không mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Q và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q.

[2.2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Căn cứ lời trình bày của bà Q, ông T và chứng cứ do bà Q giao nộp, Tòa xác định được: bà Q và ông T có 01 con chung là Hồ Minh T1 (nam), sinh ngày 12/6/2024. Sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay con chung còn nhỏ đang sống cùng bà Q, ông T thừa nhận ít quan tâm vợ con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q, ông T không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 ;

- Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Như Q đối với bị đơn ông Hồ Hoàng Gia T về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: bà Q được ly hôn ông T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, đăng ký ngày 12/3/2024 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)).

- Về con chung và nuôi con: Bà Q được trực tiếp nuôi con chung Hồ Minh T1 (nam), sinh ngày 12/6/2024.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông T. Ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của bà Q. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Q chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003829, ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Q, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM (CS2)
- VKSND KV15 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình